TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN Bản án số: 312/2023/DS-ST Ngày 13 -12 - 2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Nguyễn Thị Rạt

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa-Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 791/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2023/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Nguyễn Thi Ngọc S, sinh năm 1995 (Theo giấy ủy quyền 23/10/2023) (có mặt);

2. Bị đơn:
2.1. Bà Phạm Thị Minh D, sinh năm 1978(có mặt);
2.2. Ông Trần Thanh K, sinh năm 1975 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S đại diện Trần Thị L nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/5/2021, bà có cho bà D vay với số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Thời điểm vay là 01 năm tính từ ngày 11/5/2021. Đến hạn trả nợ nhưng phía bà D không trả. Bà có đòi nhiều lần thì bà D có trả được 20.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và chồng bà D liên đới trả 250.000.000 đồng. Trước đây bà có yêu cầu bà D và ông K trả lãi nhưng nay bà xin rút lại yêu cầu. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phạm Thị Minh D *đại diện trình bày:*Bà thừa nhận có nợ bà L 270.000.000 đồng, bà đã trả 20.000.000 đồng còn lại 250.000.000 đồng là đúng. Bà hứa 3 tháng nữa bán đất trả.

Bị đơn ông Trần Thanh K *trình bày*: Ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của L. Bởi vì bà L và bà D tự thỏa thuận vay mượn với nhau, bà L yêu cầu bà D trả, ông không đồng ý liên đới cùng trả tiền với bà D vì ông không có mượn. Ông xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà D và ông K có hộ khẩu thường trú tại Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Trần Thị L người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Phạm Minh D và ông Trần Thanh K là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: bà L khởi kiện yêu cầu bà D, ông K trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà L có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà L yêu cầu bà D và ông K liên đới trả 250.000.000 đồng vốn, chứng cứ là biên bản hòa giải cơ sở. Bà D cũng thừa nhận nợ bà L. Các đương sự đã được tiếp cận chứng cứ của nhau.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Bà L do bà S đại diện xác định rút lại yêu cầu tính lãi. Do đó căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Bà L yêu cầu bà D và chồng là ông K liên đới trả 250.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực và không yêu cầu tính lãi. Bà D đồng ý trả 250.000.000 đồng cho và L còn ông K không đồng ý trả vì ông cho rằng ông không trực tiếp mượn nợ bà L. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa bà D xác định do buôn bán thua lỗ nên bà có hốt hụi để bù vốn. Khi không có khả năng đóng hụi chết thì bà có mượn bà L vay Ngân hàng cho bà mượn để trả tiền nợ hụi. Do không bán được đất trả nợ bà L nên bà L mới kiện bà D. Trong quá trình buôn bán kiếm lời thì bà L cũng dùng tiền này chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vì vậy cần buộc ông K có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả nợ cho bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Bà L yêu cầu bà D và ông K trả tiền ngay khi án có hiệu lực nhưng bà D hứa 03 tháng nữa trả nhưng phía đại diện bà L không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng bà D mượn bà L hứa đến 11/5/2022 trả nhưng đến nay cũng không trả làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của bà L. Do đó cần buộc ông K và bà D trả số tiền 250.000.000 đồng cho bà L khi án có hiệu lực.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà D và ông K phải chịu án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bà Phạm Thị Minh D và ông Trần Thanh K.

Buộc bà Phạm Thị Minh D và Trần Thanh K liên đới trả cho bà Trần Thị L là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Minh D và Trần Thanh K phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. H lại cho bà L 7.702.000 đồng theo biên lai số 0006397 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng T